

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial No): 1C24TKC

Số (Invoice No): 81

Ngày (date) 13 tháng (month) 12 năm (year) 2024

Mã QGT: 008C8328AB8252499281CFB5B1CFDC3B44

Đơn vị bán hàng (Seller): TRUNG TÂM TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ KHOÁNG CHẤT

Mã số thuế (Tax Code): 0100763608

Địa chỉ (Address): Phòng B1-2 Tầng 1 nhà B Đại học Mở Địa Chất, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 02437523043

Email: ttkenkc1996@gmail.com

Website:

Số tài khoản (A/C No):

Tại (At):

Họ tên người mua hàng (Buyer): Vũ Anh Tuấn

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

Mã số thuế (Tax code): 0101919181

Địa chỉ (Address): Toà nhà B15 khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

Số tài khoản (A/C No): 1220002208 - Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành

STT (No.)	Tên hàng hóa dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Thực hiện công tác số hóa tài liệu thuộc công trình: Scan tài liệu bản vẽ thành lò và số hóa tài liệu bản vẽ trắc địa, địa chất để lưu trữ tài liệu phục vụ sản xuất - Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin theo Hợp đồng số 274/2024/HĐ-KHĐT ngày 06/9/2024 và Biên bản nghiệm thu khối lượng, giá trị hoàn thành ngày 13/12/2024				121.266.226
Cộng tiền hàng (Subtotal):					121.266.226
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		9.701.298
Tổng cộng tiền thanh toán (Amount total):					130.967.524

Số tiền viết bằng chữ (In words): Một trăm ba mươi triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm hai mươi bốn đồng.

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature & fullname)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature & fullname)

Signature Valid

Ký bởi: TRUNG TÂM TRIỂN KHAI CÔNG
NGHỆ KHOÁNG CHẤT
Ký ngày: 13/12/2024

Tra cứu hóa đơn tại website: <https://newinvoice.com.vn> Mã tra cứu: 55329CCE0100763608

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

(Công ty Cổ phần Hóa Đơn Điện Tử NEW-INVOICE - MST: 0105937449 - Hotline: 1900 633 651)

HỢP ĐỒNG

Số: 274/2024/HĐ-KHĐT

Về việc: Thực hiện công tác số hóa tài liệu thuộc công trình: Scan tài liệu bản vẽ thành lò và số hóa tài liệu bản vẽ trắc địa, địa chất để lưu trữ tài liệu phục vụ sản xuất - Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin

Căn cứ vào Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 của nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

Căn cứ Luật Thương mại được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên.

Hôm nay, ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại Văn phòng Công ty Cổ phần Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

Đại diện : Ông Nguyễn Hoàng Huân Chức vụ: Phó Giám đốc

Giấy ủy quyền số 06/UQ-VITE ngày 03/01/2024 của Giám đốc công ty.

Địa chỉ : Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024.62842542

Fax: 024.62842546

Tài khoản : 1220002208 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Hà Thành.

Mã số thuế : 0101919181.

BÊN B: TRUNG TÂM TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ KHOÁNG CHẤT

Đại diện : Ông Tô Xuân Bản Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Phòng B1-2 thuộc Tầng 1, nhà B, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, P. Đức Thắng - Q.Bắc Từ Liêm - TP.Hà Nội

Điện thoại : 024.752.3043

Fax:

Tài khoản số : 3100211000523 - tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Huyện Từ Liêm - TP Hà Nội

Mã số thuế : 0100763608.

Hai bên cùng nhau thống nhất ký kết hợp đồng với những điều khoản dưới đây:

Điều 1: Nội dung công việc:

Bên A đồng ý thuê và Bên B đồng ý nhận thực hiện công tác số hóa tài liệu thuộc công trình: Scan tài liệu bản vẽ thành lò và số hóa tài liệu bản vẽ trắc địa, địa chất để lưu trữ tài liệu phục vụ sản xuất - Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin, khối lượng cụ thể như sau:

+ Số hóa tài liệu gồm 13 mảnh bản đồ (có bảng kê khối lượng chi tiết).

Điều 2: Thời gian thực hiện hợp đồng

2.1 Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và bên A bàn giao tài liệu cho bên B (không bao gồm thời gian thẩm định và nghiệm thu).

Điều 3: Chất lượng và số lượng sản phẩm

Chất lượng sản phẩm: Công trình phải đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo chất lượng và đạt các tiêu chuẩn quy định hiện hành.

Số lượng sản phẩm: file dữ liệu số lưu toàn bộ tài liệu.

Điều 4: Giá trị, hình thức và thanh toán hợp đồng:

4.1 Giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế GTGT 8%): **130.967.524 đồng** (có phụ lục chi tiết kèm theo)

(Bằng chữ: Một trăm ba mươi triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn, năm trăm hai mươi tư đồng)

Chi tiết giá Hợp đồng tại phụ lục kèm theo.

Khối lượng, giá trị thanh toán chính thức là khối lượng, giá trị bên B thực hiện được bên A nghiệm thu.

Khi có khối lượng phát sinh, điều chỉnh đơn giá thanh toán hai bên tiến hành lập phụ lục hợp đồng bổ sung.

4.2 Loại hợp đồng: Đơn giá cố định

4.3 Thanh toán

Sau khi bên B hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc thuộc Điều I và bàn giao cho bên A, hai bên tiến hành nghiệm thu, xác nhận khối lượng, giá trị hoàn thành và thanh lý hợp đồng. Bên A sẽ thanh toán cho bên B trong vòng 60 ngày kể từ ngày bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Trường hợp trong quá trình thực hiện Hợp đồng tại thời điểm nghiệm thu quyết toán, xuất hóa đơn thuế GTGT. Nếu chính sách thuế GTGT của Nhà nước có sự thay đổi tăng/giảm thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được hai bên điều chỉnh giá trị theo quy định mà không cần phải ký phụ lục Hợp đồng.

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng

Điều 5: Tranh chấp và giải quyết tranh chấp:

+ Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có những vấn đề vướng mắc hoặc tranh chấp, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng trách nhiệm và quyền lợi của mỗi bên.

+ Trường hợp thương lượng không thành thì tranh chấp được đưa ra Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC). Phán xét của VIAC là quyết định cuối cùng có hiệu lực thi hành đối với cả hai bên.

Điều 6: Bất khả kháng:

6.1- Sự kiện bất khả kháng là sự việc xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lở đất, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh... và các thảm họa khác chưa lường hết được; sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

6.2- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên chịu ảnh hưởng sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

+ Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình.

Điều 7. Thưởng, phạt vi phạm hợp đồng

- Thưởng hợp đồng: Không

- Phạt vi phạm hợp đồng: Bên B đảm bảo tiến độ thi công đã thống nhất với Bên A. Nếu chậm tiến độ hoàn báo cáo do lỗi chủ quan, Bên B phải chịu phạt 1% giá trị bị chậm cho mỗi tuần (07 ngày) chậm tiến độ, nhưng tổng mức phạt không quá 8% giá trị phần bị chậm.

Điều 8: Tạm dừng, huỷ bỏ hợp đồng:

8.1- Tạm dừng thực hiện hợp đồng:

Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- Do lỗi của Bên A hoặc Bên B gây ra;

- Các trường hợp bất khả kháng.

- Các trường hợp khác do hai bên thảo luận.

Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết. Trường hợp một bên tạm dừng mà không thông báo gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên bị thiệt hại.

Thời gian và mức độ đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thoả thuận để khắc phục.

8.2- Huỷ bỏ hợp đồng:

+ Trường hợp Bên B thực hiện chậm tiến độ theo yêu cầu của Bên A sau khi Bên A đã gửi văn bản nhắc nhở lần 3 thì Bên A sẽ đơn phương huỷ bỏ hợp đồng. Bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do Bên B gây ra kể cả phần làm chậm tiến độ.

+ Một bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện huỷ bỏ mà các bên đã thoả thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.

+ Bên huỷ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc huỷ bỏ; nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên huỷ bỏ hợp đồng phải bồi thường.

- Trong trường hợp Bên B không hoàn thành đúng chất lượng sản phẩm theo yêu cầu quy định trong hợp đồng thì Bên B phải làm lại cho đúng và đủ theo quy định của Bên A.

Điều 9: Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng đảm bảo tiến độ đã đề ra trong hợp đồng, đảm bảo chất lượng yêu cầu của Bên A, phải tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước và các quy trình, quy phạm chuyên ngành.

- Chịu trách nhiệm với Bên A về đảm bảo an toàn, bảo mật trong quá trình thực hiện công việc.

Trong quá trình thực hiện công việc bên B bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu, an toàn máy tính, an ninh mạng và tuân thủ các điều kiện sau:

- Việc cung cấp, trao đổi, lưu trữ, sử dụng thông tin, dữ liệu phải tuân thủ quy định của pháp luật.

- Việc sử dụng thông tin, dữ liệu phải đúng mục đích theo yêu cầu cung cấp, không sử dụng cho mục đích, công việc khác nếu không được sự đồng ý bằng văn bản bên A.

- Không được chuyển quyền sử dụng đối với thông tin, dữ liệu nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của bên A.

- Việc vi phạm sở hữu trí tuệ và quyền sở hữu thông tin, dữ liệu tùy mức độ vi phạm sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bồi thường thiệt hại cho Bên A khi cung cấp cho Bên A tài liệu sai, sử dụng các thông tin, tài liệu, quy chuẩn không phù hợp, mức đền bù thỏa thuận theo mức thiệt hại gây ra.

Điều 10: Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Cử cán bộ kiểm tra và cùng bên B nghiệm thu khi công trình kết thúc.

- Tạo điều kiện cho Bên B thực hiện công việc thuận lợi.

- Nghiệm thu, thanh toán hợp đồng sau khi công việc hoàn thành.

Điều 11: Điều khoản cam kết:

- Hai bên cam kết cùng nhau thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng.

- Trường hợp phát sinh ngoài thỏa thuận trên, hai bên sẽ ký phụ lục hợp đồng hoặc biên bản bổ sung. Các phụ lục và biên bản bổ sung (nếu có) là một phần của hợp đồng.

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng được lập thành 06 bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 03 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Phó Giám đốc

Nguyễn Hoàng Huân

ĐẠI DIỆN BÊN B
Giám đốc

Tô Xuân Bản

PHỤ LỤC

(Kèm Hợp đồng số: 274/2024/HĐ-KHĐT ngày 06/9/2024)

Đơn vị: Đồng

STT	Hạng mục công trình	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP	T	$VL+NC+M$	104 309 660
1	Chi phí vật liệu	VL	Bảng chi tiết	5 822 336
2	Chi phí nhân công	NC	NC_0+NC_{TT}	88 714 639
-	Chi phí nhân công theo đơn giá	NC_0	Bảng chi tiết	88 714 639
3	Chi phí máy thi công	M	Bảng chi tiết	9 772 685
II	CHI PHÍ CHUNG	C	$C = C_0 + C_T$	17 971 499
1	Chi phí chung theo đơn giá	C_0	Bảng chi tiết	17 971 499
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	$(T+C) \times 5,5\%$	6 725 464
IV	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	G_{TT}	$G_{TT} = T+C+TL+K$	129 006 623
V	Giảm giá (6%)	Ggg	$Ggg=G_{tt} \times 6\%$	7 740 397
VI	Giá trị sau giảm giá	Gsgg	$Gsgg=G_{tt}-Ggg$	121 266 226
VII	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	T_{GTGT}	$T_{GTGT} = Gsgg \times 8\%$	9 701 298
	TỔNG GIÁ SAU THUẾ	G_{ST}	$G_{ST} = Gsgg + T_{GTGT}$	130 967 524

PHỤ LỤC SỐ 01: BẢNG CHI TIẾT GIÁ TRỊ THỰC HIỆN CÔNG TÁC SỐ HÓA

Đơn vị tính: đồng													
TT	Mã số	Thành phần công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá				HSĐC của TKV	Thành tiền			
					Vật liệu	Nhân công	Máy	CP chung		Vật liệu	Nhân công	Máy	CP chung
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11 = 5*6*10	12 = 5*7*10	13 = 5*8*10	14 = 5*9*10
		Số hóa bản đồ các chuyên ngành địa chất											
	H.200010	Bản đồ phức tạp loại I	Mảnh	13	447 872	6 824 203	751 745	1 382 423	1,0	5 822 336	88 714 639	9 772 685	17 971 499
		Tổng cộng								5 822 336	88 714 639	9 772 685	17 971 499

Ghi chú : Phân loại mức độ khó khăn được quy định chi tiết tại trang 437 của bộ đơn giá kèm theo Quyết định số 1873/QĐ-TKV ngày 07/11/2023 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

PHỤ LỤC SỐ 02: BẢNG THỐNG KÊ TÀI LIỆU

STT	Tên tài liệu	Tỷ lệ	Kích thước bản đồ số hóa	Diện tích bản đồ số hóa (dm²)	Khối lượng số hóa (mảnh)
1	Bản đồ khai thác tổng hợp vỉa 5,6,7,8,9	1/2000	8x5	40	1,6
2	Bản đồ địa chất tổng hợp vỉa 4,5,6,7,8,9 VD	1/2000	12x6	72	2,88
3	Bản đồ khai thác vỉa 6 ngoài F.40	1/1000	9x5	45	1,8
4	Bản đồ khai thác vỉa 9 ngoài F.40	1/1000	9x5	45	1,8
5	Bản đồ khai thác vỉa 4 ngoài F.40	1/1000	9x5	45	1,8
6	Bản đồ khai thác vỉa 8 ngoài F.40	1/1000	9x5	45	1,8
7	Bản đồ khai thác vỉa 5 ngoài F.40	1/1000	9x6	45	1,8
Tổng cộng					13

Hà Nội, ngày 13 tháng 12 năm 2024

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG, GIÁ TRỊ HOÀN THÀNH
Về việc thực hiện Hợp đồng số 274/2024/HĐ-KHĐT ngày 06/9/2024

I. Căn cứ nghiệm thu

- Hợp đồng số 274/2024/HĐ-KHĐT ngày 06/9/2024 giữa Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin và Trung tâm triển khai công nghệ Khoáng chất về việc thực hiện công tác số hóa tài liệu thuộc công trình: Scan tài liệu bản vẽ thành lò và số hóa tài liệu bản vẽ trắc địa, địa chất để lưu trữ tài liệu phục vụ sản xuất - Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin;
- Các biên bản bàn giao tài liệu ngày 02 / 12 / 2024.

II. Thời gian, địa điểm, đối tượng nghiệm thu

- Thời gian, địa điểm
 - + Bắt đầu: 9 giờ 00 phút, ngày tháng năm 2024
 - + Kết thúc: 11 giờ 30 phút, ngày tháng năm 2024
 - + Địa điểm: Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin.
- Đối tượng nghiệm thu: Tài liệu thực hiện theo hợp đồng số 274/2024/HĐ-KHĐT ngày 06/9/2024 do Trung tâm triển khai Công nghệ Khoáng chất thực hiện.

III. Thành phần nghiệm thu

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

- | | |
|---------------------------|-------------------------------|
| - Ông Nguyễn Hoàng Huân | Chức vụ: Phó Giám đốc |
| - Ông Vũ Anh Tuấn | Chức vụ: TP. Địa chất |
| - Ông Nguyễn Trường Chinh | Chức vụ: TP. TCKT |
| - Ông Nguyễn Văn Minh | Chức vụ: TP. KHĐT |
| - Bà Nguyễn Thị Hạnh | Chức vụ: Chủ nhiệm công trình |

BÊN B: TRUNG TÂM TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ KHOÁNG CHẤT

- | | |
|-------------------|-------------------|
| - Ông Tô Xuân Bản | Chức vụ: Giám đốc |
|-------------------|-------------------|

IV. Nội dung nghiệm thu

4.1 Về khối lượng, chất lượng

- Số lượng hồ sơ: Dữ liệu số.
- Chất lượng hồ sơ: Sau khi kiểm tra tài liệu hồ sơ bàn giao đã xác định: Các tài liệu do bên B thực hiện theo nội dung hợp đồng; Phù hợp với Tiêu chuẩn quy định của Nhà nước cũng như của ngành, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, rõ ràng.
- Tiến độ thực hiện: Thực hiện đúng tiến độ theo yêu cầu của Bên A.

4.2 Về giá trị

- Giá trị hợp đồng: 130.967.524 đồng (đã bao gồm VAT 8%)
- Giá trị thực hiện: 130.967.524 đồng (đã bao gồm VAT 8%)
- Giá trị đã xác nhận: 0 đồng (đã bao gồm VAT)
- Giá trị xác nhận lần này là: **130.967.524 đồng** (đã bao gồm VAT)

(Bằng chữ: Một trăm ba mươi triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn, năm trăm hai mươi tư đồng)

Có bảng chi tiết khối lượng, giá trị kèm theo

V. Kết luận

- Bên A đồng ý nghiệm thu sản phẩm tài liệu hoàn thành do bên B bàn giao thuộc Hợp đồng số 274/2024/HĐ-KHĐT ngày 06/9/2024.

- Bên A đồng ý nghiệm thu giá trị hoàn thành cho bên B theo Hợp đồng số 274/2024/HĐ-KHĐT ngày 06/9/2024.

- Biên bản lập thành 06 bản, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC



Tô Xuân Bản

PHỤ LỤC

(Kèm theo Biên bản nghiệm thu khối lượng, giá trị hoàn thành ngày 13 /12 /2024)

Đơn vị: Đồng

STT	Hạng mục công trình	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP	T	$VL+NC+M$	104 309 660
1	Chi phí vật liệu	VL	Bảng chi tiết	5 822 336
2	Chi phí nhân công	NC	NC_0+NC_{TT}	88 714 639
-	Chi phí nhân công theo đơn giá	NC_0	Bảng chi tiết	88 714 639
3	Chi phí máy thi công	M	Bảng chi tiết	9 772 685
II	CHI PHÍ CHUNG	C	$C = C_0 + C_T$	17 971 499
1	Chi phí chung theo đơn giá	C_0	Bảng chi tiết	17 971 499
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	$(T+C) \times 5,5\%$	6 725 464
IV	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	G_{TT}	$G_{TT} = T+C+TL+K$	129 006 623
V	Giảm giá (6%)	Ggg	$Ggg=G_{tt} \times 6\%$	7 740 397
VI	Giá trị sau giảm giá	Gsgg	$Gsgg=G_{tt}-Ggg$	121 266 226
VII	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	T_{GTGT}	$T_{GTGT} = Gsgg \times 8\%$	9 701 298
TỔNG GIÁ TRỊ NGHIỆM THU SAU THUẾ		G_{ST}	$G_{ST} = Gsgg + T_{GTGT}$	130 967 524

PHỤ LỤC SỐ 01: BẢNG CHI TIẾT GIÁ TRỊ THỰC HIỆN CÔNG TÁC SÓ HÓA

Đơn vị tính: đồng

TT	Mã số	Thành phần công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá				HSĐC của TKV	Thành tiền			
					Vật liệu	Nhân công	Máy	CP chung		Vật liệu	Nhân công	Máy	CP chung
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11 = 5*6*10	12 = 5*7*10	13 = 5*8*10	14 = 5*9*10
		Số hóa bản đồ các chuyên ngành địa chất											
	H.200010	Bản đồ phức tạp loại I	Mảnh	13	447 872	6 824 203	751 745	1 382 423	1,0	5 822 336	88 714 639	9 772 685	17 971 499
		Tổng cộng								5 822 336	88 714 639	9 772 685	17 971 499

Ghi chú : Phân loại mức độ khó khăn được quy định chi tiết tại trang 437 của bộ đơn giá kèm theo Quyết định số 1873/QĐ-TKV ngày 07/11/2023 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

PHỤ LỤC SỐ 02: BẢNG THỐNG KÊ TÀI LIỆU

STT	Tên tài liệu	Tỷ lệ	Kích thước bản đồ số hóa	Diện tích bản đồ số hóa (dm2)	Khối lượng số hóa (mảnh)
1	Bản đồ khai thác tổng hợp vỉa 5,6,7,8,9	1/2000	8x5	40	1,6
2	Bản đồ địa chất tổng hợp vỉa 4,5,6,7,8,9 VD	1/2000	12x6	72	2,88
3	Bản đồ khai thác vỉa 6 ngoài F.40	1/1000	9x5	45	1,8
4	Bản đồ khai thác vỉa 9 ngoài F.40	1/1000	9x5	45	1,8
5	Bản đồ khai thác vỉa 4 ngoài F.40	1/1000	9x5	45	1,8
6	Bản đồ khai thác vỉa 8 ngoài F.40	1/1000	9x5	45	1,8
7	Bản đồ khai thác vỉa 5 ngoài F.40	1/1000	9x6	45	1,8
Tổng cộng					13

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
.....000.....

BIÊN BẢN THANH LÝ
Hợp đồng số 274/2024/HĐ-KHĐT ngày 06/9/2024

- Căn cứ Hợp đồng số 274/2024/HĐ-KHĐT ngày 06/9/2024 giữa Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin và Trung tâm triển khai công nghệ Khoáng chất về việc thực hiện công tác số hóa tài liệu thuộc công trình: Scan tài liệu bản vẽ thành lò và số hóa tài liệu bản vẽ trắc địa, địa chất để lưu trữ tài liệu phục vụ sản xuất - Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin;

- Căn cứ biên bản nghiệm thu khối lượng, giá trị hoàn thành ngày 13/12/2024.

Hôm nay, ngày 13 tháng 12 năm 2024 tại Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

Đại diện : Ông **Nguyễn Hoàng Huân** Chức vụ: Phó Giám đốc

Giấy ủy quyền số 06/UQ-VITE ngày 03/01/2024 của Giám đốc công ty.

Địa chỉ : Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P Đại Kim, Q Hoàng Mai, TP Hà Nội

Điện thoại : 024.62842542 Fax: 024.62842546

Tài khoản : 1220002208 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Hà Thành

Mã số thuế : 0101919181.

BÊN B: TRUNG TÂM TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ KHOÁNG CHẤT

Đại diện : Ông **Tô Xuân Bản** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Phòng B1-2 thuộc Tầng 1, nhà B, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, P. Đức Thắng - Q.Bắc Từ Liêm - TP.Hà Nội

Điện thoại : 024.752.3043 Fax:

Tài khoản số : 3100211000523 - tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Từ Liêm - TP Hà Nội

Mã số thuế : 0100763608.

Hai bên cùng nhau thống nhất nghiệm thu thanh lý hợp đồng số 274/2024/HĐ-KHĐT ngày 06/9/2024 với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung công việc và khối lượng thực hiện:

Bên B đã hoàn thành thực hiện công tác số hóa tài liệu thuộc công trình: Scan tài liệu bản vẽ thành lò và số hóa tài liệu bản vẽ trắc địa, địa chất để lưu trữ tài liệu phục vụ sản xuất - Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin theo đúng các nội dung và khối lượng thuộc hợp đồng số 274/2024/HĐ-KHĐT ngày 06/9/2024.

- Bên B đã bàn giao đầy đủ tài liệu theo hợp đồng cho Bên A.
- Hồ sơ đã được bên A nghiệm thu theo biên bản nghiệm thu khối lượng, giá trị hoàn thành ngày 13 / 12 / 2024.

Điều 2. Giá trị thanh lý hợp đồng:

- Giá trị theo hợp đồng: 130.967.524 đồng (đã bao gồm VAT 8%)
- Giá trị thực hiện: 130.967.524 đồng (đã bao gồm VAT 8%)
- Giá trị đã thanh toán: 0 đồng
- Giá trị còn lại phải thanh toán: **130.967.524 đồng**

(Bằng chữ: Một trăm ba mươi triệu, chín trăm sáu mươi bảy nghìn, năm trăm hai mươi tư đồng).

Điều 3. Điều khoản chung

- Hai bên thống nhất các nội dung theo biên bản thanh lý hợp đồng này.
- Bên A sẽ thanh toán toàn bộ giá trị cho Bên B trong vòng 60 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng, Bên A nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Bên B.

Biên bản thanh lý này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản làm cơ sở thanh toán.

ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Huân

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC



Tô Xuân Bản